

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Thư mời chào giá số /ĐHYD-HC ngày tháng năm 2025)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acetylcystein	Acetylcystein	200 mg	Uống; viên nang; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	700
2	Alphachymotrypsin choay	Alphachymotrypsin	21 microkats	Uống; Viên nén; Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	1.000
3	Klamentin 625mg	Amoxicillin + Acid clavulanic	500 mg + 125mg	Uống; Viên nang cứng; Hộp 3 vỉ x 4 viên	Viên	1.200
4	Bar	Bìm Bìm Atisô Rau đắng đất	75mg 100mg 75mg	Uống Viên nén bao đường Hộp 1 lọ 60 viên	Lọ	50
5	Captopril	Captopril	25mg	Uống; Viên nén; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	200
6	Cefuroxime	Cefuroxim	500mg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	500
7	Dầu Phật Linh Trường Sơn	Tinh dầu bạc hà 55ml, Menthol 20g, Tinh dầu đinh hương 3ml, Long não 2g, Khuyneh diệp 2ml	5ml	Dung dịch; Dùng ngoài da;; Hộp 10 chai 5 ml	Chai	120
8	Deslora	Desloratadin	5mg	Uống; Viên nén bao phim ; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	900

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
9	Efferagal	Paracetamol	500mg	Uống; Viên nén sủi bọt; Hộp/ 4 vỉ x 4 viên	Viên	160
10	Eumovate Cream	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	5g ; 0,05%	Dùng ngoài; Kem bôi ngoài da; Hộp 1 tuýp 5g	Tuýp	10
11	Ginkgo biloba	Cao Ginkgo biloba	40mg	Uống; Viên nang mềm; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	300
12	Loperamid	Loperamid HCl	2 mg	Uống; Viên nang; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	300
13	Medrol 16mg	Methylprednisolone	16mg	Uống; Viên nén; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	150
14	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt; Dung dịch nhỏ mắt, mũi; Hộp 20 lọ 10ml	Chai	100
15	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magie trihydrat)	40mg	Uống; Viên nén kháng dịch dạ dày; Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	70
16	No-Spa forte	Drotaverin hydroclorid	80mg	Uống; Viên nén; Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	100
17	Oresol 245	Natri clorid Natri citrat dihydrat Kali clorid Glucose khan	520 mg 580 mg 300 mg 2,7 g	Uống; Thuốc bột; Hộp/20 gói x 4,1g	Gói	40

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
18	Panadol	Paracetamol	500mg	Uống; Viên nén; Hộp 10 vỉ x 12 viên	Viên	2.400
19	Phosphalugel	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/gói 20g	Uống; Hỗn dịch uống; Hộp 26 gói x 20g	Gói	260
20	Plusssz Gold Max Multivitamin Hương Cam	Vitamin C 60mg, Vitamin B3 18mg, Vitamin E 10mg, Vitamin B5 6mg, Zinc 2.5mg, Vitamin B6 2mg, Vitamin B2 1.6mg, Vitamin B1 1.4mg, Folic acid 0.2mg, Biotin 150mcg, Selenium 15mcg, Vitamin D3 2.5mcg, Vitamin B12 1mcg		Uống; Viên nén sủi bọt; Hộp/1 tuýp x 20 viên	Tuýp	20
21	Prednison	Prednison	5mg	Uống; Viên nén; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	700
22	Salonpas	DL-camphor Methyl salicylate L-menthol Tocopheryl acetate	1.24% 6.29% 5.71% 2%	Miếng dán Hộp 2 gói x 10 miếng	Hộp	20
23	SaVi Esomeprazole	Esomeprazol	40mg	Uống; Viên nén bao phim tan trong ruột; Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	500

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
24	Scanax	Ciprofloxacin	500 mg	Uống; Viên nén; Hộp 05 vỉ x 10 viên	Viên	500
25	Scanneuron	Thiamin nitrat (vitamin B1) + Pyridoxin HCL (vitamin B6) + Cyanocobalamin (vitamin B12)	100mg + 200mg + 200mcg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	300
26	Smecta	Diosmectit	3g	Uống; Bột pha hỗn dịch uống; Hộp 30 gói (mỗi gói 3.76g)	Gói	90
27	Terpin codein	Terpin hydrat + Codein	100mg + 15mg	Uống; Viên nang cứng; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	500
28	Tragutan	Eucalyptol Tinh dầu tần Tinh dầu gừng	100mg 0,18mg 0,5mg	Uống; Viên nang mềm ; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.500
29	Tyrotab	Tyrothricin + Tetracain hydroclorid	1 mg + 0,1 mg	Viên ngậm Hộp 24 viên	Hộp	100
30	Ventolin Inhaler	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp Hộp 1 bình xịt 200 liều	Bình xịt	2
31	Vitamin C	Ascorbic Acid	500mg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 20 vỉ x 10 viên	Viên	1.000
32	Xisat	Khoáng biển, Nước biển sâu	75ml	Dung dịch vệ sinh mũi Hộp 1 chai x 75ml	Chai	30
33	Probio	Lactobacillus acidophilus (dạng bột đông khô)	$\geq 10^8$ vi sinh sống	Bột Hộp 14 gói x 1g	Hộp	10

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
34	Panthenol Spray	Dexpantenol	4.63g	Dùng ngoài da Bình xịt Chai 130g	Chai	2
35	Povidin 10% 20ml	Povidon iod	10%	Dùng ngoài da Chai 20ml	Chai	20
36	Oxy Già 60ml	Hydrogen Peroxide	3%	Dùng ngoài da Chai 60ml	Chai	30
37	Cồn 90 độ 60ml	Ethanol	90%	Dùng ngoài da Chai 60ml	Chai	30
38	Bông y tế 25gr		Gói 25gr		Gói	50